TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82 /2017/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 671/2017/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tập thể F371, T D, huyện S S, Hà Nội

Bị đơn: Chị Bùi Ngọc H, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể F371, T D, huyện S S, Hà Nội.

Nơi cư trú: Nhà số 03 ngõ 24 N P L, phường O C D, quận Đ Đ, Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa*** :

Anh Nguyễn Văn Tiến Đ và chị Bùi Ngọc H.

2. ***Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau***:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Tiến Đ và chị Bùi Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T D, huyện S S, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 01/7/2013. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay anh Đ, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

- **Về con chung**: Xác nhận anh Đ, chị H có 01 con chung là Nguyễn Nhật K (nam), sinh ngày 27/8/2013. Giao cho chị H là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Nhật K. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi cháu K hàng tháng cho chị H, mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng

9 năm 2017 cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung (động sản, bất động sản)**: Anh Đ, chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên tòa không xem xét.

- **Về nợ:** Anh Đ, chị H xác nhận vợ chồng không nợ ai cũng như không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

- **Về án phí** : Anh Đ tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật. Anh Đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005891 ngày 17/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ Đ. Anh Đ còn phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

Ngoài các vấn đề trên anh Đ, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã T D, huyện S S, Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thi Hường

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 142 /2016/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm.

Căn cứ vào Điều 55, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của UBTV Quốc hội.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2012/NQ-HDDTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01/11/2016 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 877/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2016.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01/11/2016 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Thu Hương và anh Trần Nghị.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Số 2, hẻm 29, ngách 2, ngõ 129 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trần Nghị, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số 47, ngách 5, ngõ 85 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về tình cảm**: Chị Nguyễn Thị Thu Hương và anh Trần Nghị chung sống với nhau từ năm 1989 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn quyển số 02, số 118 ngày 21/11/1989. Quá trinh chung sống đến khoảng năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và chị Hương, anh Nghị đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2002 cho đến nay. Nay chị Hương, anh Nghị cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

* **Con chung**: Chị Hương, anh Nghị xác nhận có 02 con chung là Trần Thu Lệ (nữ), sinh ngày 10/4/1990 và Trần Huy Hoàng (nam), sinh ngày 19/10/2001. Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của chị Hương, anh Nghị, giao cháu Trần Huy Hoàng cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nghị cho đến khi chị Hương có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế. Còn đối với cháu Trần Thu Lệ đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

Anh Nghị được quyền đi lai thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

* **Về tài sản chung (Gồm động sản và bất động sản)** : Chị Hương, anh Nghị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét.

* **Về nợ**: Chị Hương, anh Nghi xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét.

* **Về án phí**: Chị Hương tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 đồng. chị Hương đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004656 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị Hương đã nộp đủ án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục chung.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Hường